

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2026

Về việc “Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Đình Thị Thuận và bà Trần Thị Mỹ Ái

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2026/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2026, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/5/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đình Thị M, sinh năm 1968 – Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Nam D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1968 – Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Nam D, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đình Thị M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đình Thị M và ông Trần Ngọc B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay. Nay bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đình Thị M và ông Trần Ngọc B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà đã sinh được hai con chung là các cháu Trần Kim Ch, sinh ngày 16/9/1996 và Trần Tuấn L, sinh ngày 26/10/1991. Các con chung đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên bà Đinh Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị M không yêu cầu Tòa án giải

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Ngọc B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc B công nhận mối quan hệ hôn nhân của ông bà đúng như lời trình bày của cô Đinh Thị M. Ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay. Ông đề nghị Tòa án tuyên bố ông B và bà M không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà đã sinh được hai con chung là các cháu Trần Kim Ch, sinh ngày 16/9/1996 và Trần Tuấn L, sinh ngày 26/10/1991. Các con chung đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên ông Trần Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị M không yêu cầu Tòa án giải

Tại phiên tòa Nguyên đơn, Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ các khoản 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 02 Bản sao giấy khai sinh của con chung; 01 bản sao căn cước công dân tên Đinh Thị Hoa Mai, 01 bản phô tô căn cước công dân tên Trần Ngọc B. Đây là các tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được theo đúng trình tự thủ tục được chấp nhận làm căn cứ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đinh Thị M và ông Trần Ngọc B sống chung với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Trần Ngọc B là vợ

chồng. Toà án xác định quan hệ pháp luật về “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn ông Trần Ngọc B có nơi cư trú tại Thôn C, xã Nam D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M và ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M và ông B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị M và ông Trần Ngọc B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, trong khi bà M và ông B có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà không thực hiện, vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy việc bà Đinh Thị M khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố bà và ông B không phải là vợ chồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M.

[2.2] Trong quá trình chung sống bà Đinh Thị M và ông Trần Ngọc B đã sinh được hai con chung là các cháu Trần Kim Ch, sinh ngày 16/9/1996 và Trần Tuấn L, sinh ngày 26/10/1991. Xét thấy các con chung của bà M và ông B đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, bà M và ông B không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đinh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ

khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị M và ông Trần Ngọc B.

2. Các con chung Trần Kim Ch, sinh ngày 16/9/1996 và Trần Tuấn L, sinh ngày 26/10/1991 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình bà Đinh Thị M và ông Trần Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị M và ông Trần Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006551 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng